TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍMINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 552/2023/DS-PT
Ngày: 10/05/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Phạm Thị Kim

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Bích Lương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/ 05/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLPT - DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1374/2023/QĐ-PT ngày 30/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 4509/2023/QĐ-PT ngày 17/04/2023; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1971

Địa chỉ: 979H K.V.C, P. L.T, Thành phố Đ, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hứa Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: 14 đường E, KP. N.Đ 2, phường D.A, thành phố D.A, tỉnh A (có mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị Vân H, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 11 đường 99, KP 2, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Huy H1, sinh năm 1996

Địa chỉ: 482 Đ.T, phường 8, Đ.L, L.Đ; Địa chỉ liên lạc: số 8 N.K.K.N, phường N.T.B, quận 1 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Vân H: Ông Bùi Quang N - Công ty Luật Hợp D.C - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Mã Thị H2, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: số 96/37 T.H, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mã Thị H2: Ông Bùi Quang N - Công ty Luật Hợp D.C - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Bùi Quốc H3, sinh năm 1974

Địa chỉ: số 96/37 T.H, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Ông Huỳnh T1, sinh năm 1961

Địa chỉ: 11 đường 99, K.P 2, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Vân H

Địa chỉ: 11 đường 99, K.P 2, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người làm chứng:

1/Bà Trương Thị Linh Đ1, sinh năm 1977

Địa chỉ: 80 đường D1, K.P 1, phường L.T, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1988

Địa chỉ: B14-12 Chung cư N, phường L.T, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, Đơn khởi kiện bổ sung nộp ngày 25/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hứa Thị T trình bày:

Theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 thì bà Võ Thị Vân H (đại diện Mã Thị H2) ký xác nhận là có nợ của bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 1.900.000.000 đồng, việc giao nhận tiền trước đó không có viết giấy, đến ngày 26/3/2020 thì bà H và bà

D làm giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ. Trong Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 có nội dung: "*Nay tôi xác nhận đến thời điểm tôi còn nợ chị D số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng), đến thời hạn là 04/5/2020 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho chị D...*". Đến nay đã quá thời hạn trả tiền mà bà H vẫn không trả tiền cho bà D theo như đã cam kết. Khi nộp đơn khởi kiện, bà D chỉ yêu cầu một mình bà H trả số tiền 1.900.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định lại là yêu cầu bà H và bà H2 cùng trả số tiền đã vay là 1.900.000.000 đồng theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 với lý do: Bà D cho bà H và bà H2 vay số tiền 1.900.000.000 đồng, bà H2 là người nhận tiền, đồng thời trong giấy xác nhận ghi Võ Thị Vân H (đại diện Mã Thị H2).

Lý do bà D cho bà H và bà H2 vay tiền mà không lập giấy tờ vì là chỗ quen biết và bà D đã cho bà H và bà H2 vay số tiền 12.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019 tại Văn phòng công chứng P trước đó nên vào tháng 11/2019, bà D có cho bà H và bà H2 vay thêm số tiền 1.900.000.000 đồng, hai bên giao nhận bằng tiền mặt, không có lập giấy biên nhận, bà H và bà H2 là người trực tiếp nhận tiền tại nhà 979H K.V.C, phường L.T, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà bà D), việc giao nhận tiền này có bà Trương Thị Linh Đ1 làm chứng vì bà Đ1 đem số tiền 1.500.000.000 đồng đến nhà đưa cho bà D và bà D lên lầu lấy thêm 400.000.000 đồng cho bà H và bà H2 mượn, hai bên có hẹn ngày 23/3/2020 trả nhưng đến ngày hẹn bà H và bà H2 không trả. Ngày 26/3/2020, bà H và bà H2 hẹn bà D tại nhà 44A D.Đ.H, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà bà H4 (người quen của bà H và bà H2) để làm Giấy xác nhận nợ 1.900.000.000 đồng, giấy xác nhận này là do bà H4 đánh máy. Đây là khoản nợ còn lại giữa bà H, bà H2 và bà D, bà H đã ký xác nhận còn nợ và hẹn đến ngày 04/5/2020 trả nhưng đến nay vẫn chưa trả khoản nào cho bà D.

Nay bà D yêu cầu bà H và bà H2 cùng trả số tiền 1.900.000.000 đồng vì bà H và bà H2 là người nhận tiền, bà D không yêu cầu trả lãi.

- Bà Võ Thị Vân H là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà H xác định chữ ký trong Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 là của bà H, bà H ký vào xác nhận vì lúc đó bà H2 đi về chỉ còn bà H, bà H nghĩ ký xác nhận rồi sau sẽ đối chiếu lại vì nghĩ bà H2 đã trả tiền cho bà D qua Ngân hàng. Mọi việc vay mượn hay nhận tiền, trả tiền đều do bà H2 thực hiện, bà H chỉ đi cùng bà H2. Bà H không đồng ý trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho bà D vì thực tế bà H không vay tiền của bà D, đây là tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019.

Bà H ký vào giấy xác nhận là do bà H2 không đồng ý với số tiền lãi mà bà D tính là 1.900.000.000 đồng vì quá cao, bà H2 bỏ về. Lúc này bà H ở lại, thấy trong xe bà D có dao bà H sợ nên mới ký vào Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 này. Bà H xác định là không nhận số tiền 1.900.000.000 đồng từ nhà bà D.

- Bà Mã Thị H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H2 không đồng ý trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho bà D vì thực tế bà H và bà H2 không vay tiền của bà D, đây là tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019. Trong nội dung hợp đồng vay tiền hai bên có thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng nhưng do tình hình dịch bệnh nên bà H2 có gián đoạn thời gian trả nợ cho bà D nên bà D tính lãi. Còn số tiền đã vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019 tại Văn phòng công chứng P thì bà H và bà H2 đã thanh toán xong cho bà D vào ngày 23/3/2020.

Việc bà D trình bày là cho bà H2 và bà H vay số tiền 1.900.000.000 đồng tại nhà bà D là không đúng sự thật. Bà H và bà H2 không nhận số tiền 1.900.000.000 đồng từ bà D nên không đồng ý trả.

- Bà Trần Thị T2 là người làm chứng trình bày: Bà T2 là nhân viên của bà D, vào khoảng tháng 11/2019, Bà T2 có thấy bà H và bà H2 đến nhà bà D tại số 979H K.V.C, phường L.T, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và bà H2 đến trước, sau đó bà Trương Thị Linh Đ1 đến có mang theo cái bịch màu đen đưa bà D, sau đó bà D lên lầu lấy thêm tiền, chính bà H2 là người đếm tiền, Bà T2 không biết rõ số tiền mà bà H2 nhận là bao nhiêu nhưng chắc chắn là có nhận tiền từ bà D.

Sau đó, vào chiều ngày 26/3/2020, Bà T2 có đi cùng bà D đến nhà bà H4 ở 44A D.Đ.H, phường P.L, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm này có mặt bà H, bà H2, bà H4 và ông M (nghe mọi người gọi vậy), là người ký làm chứng vào giấy xác nhận. Các bên thống nhất là còn nợ bà D số tiền 1.900.000.000 đồng. Các bên yêu cầu viết giấy tay nhưng bà H4 đề nghị là để bà H4 đánh máy cho các bên. Sau đó, bà H2 đi rước con, kêu bà H ở lại ký giấy. Sau đó bà H2 có quay lại nhưng bà H4 chưa đánh máy xong nên bà H2 đi tiếp. Trong thời gian đó, Bà T2, bà D và ông M đi xem xe ô tô, khi bà H4 đánh máy xong thì bà H và các bên ký tên. Bà D có đề nghị bà H4 ký làm chứng vào Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 nhưng bà H4 không đồng ý ký mà kêu ông M ký làm chứng. Bà T2 xác định là không có việc bà D hâm dọa hay có dao gì trong xe như bà H trình bày.

- Bà Trương Thị Linh Đ1 là người làm chứng trình bày: Bà Đ1 là bạn và làm ăn chung với bà D, việc vay mượn tiền giữa bà D và bà H, bà H2 thì bà Đ1 không rõ. Bà Đ1 chỉ nhớ vào giữa tháng 11/2019, bà D có kêu bà Đ1 mang số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà D mượn, số tiền này bà Đ1 rút từ Ngân hàng ACB, khi đến nhà bà D thì bà Đ1 có thấy 02 người phụ nữ (bà Đ1 không biết tên). Sau đó bà D lên lầu lấy thêm tiền, bà Đ1 không biết là bao nhiêu. Sau đó bà D đưa phần tiền của bà Đ1 mang đến và tiền của bà D cho một người phụ nữ đếm và nhận tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà H và bà H2 cùng trả số tiền 1.900.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi; Bị đơn bà Võ Thị Vân H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhập một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Vân H trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 1.900.000.000 đồng theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020, ghi nhận việc bà D không yêu cầu trả tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày: 09-11-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 229 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QHQ3 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị Vân H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020, ghi nhận việc bà D không yêu cầu trả tiền lãi. Phương thức và thời hạn thanh toán: thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng) bà Võ Thị Vân H phải chịu và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0046633 ngày 09/9/2020của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/11/2022 bị đơn bà Võ Thị Vân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết toàn bộ vụ kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 là luật sư Bùi Quang N trình bày: Cấp sơ thẩm đã đánh giá không khách quan, toàn diện các chứng cứ về lời khai của các đương sự trong vụ kiện này, xác định sai tư các của các đương sự từ đó chưa làm rõ nguồn gốc khoản vay theo của giấy xác nhận nợ, về nguồn gốc chứng cứ, vụ kiện còn nhiều mâu thuẫn mà đã tuyên buộc bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn theo giấy xác nhận nợ ngày 26/03/2020, do đó đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày: 09-11-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét:

Về tố tụng:

Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

- Ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Đ tuyên án, ngày 24/11/2022 bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022. Như vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015 đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 xác nhận Hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019 tại trụ sở Văn phòng công chứng P đã thực hiện xong ngày 23/3/2020.

Ngày 26/3/2020, bà Nguyễn Thị Kim D và bà Võ Thị Vân H làm Giấy xác nhận có nội dung: *"Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2020. Tôi tên: Võ Thị Vân H*

(đại diện Mã Thị H2). Xác nhận với chị Nguyễn Thị Kim D nội dung sự việc như sau: Theo giấy vay tiền tại Văn phòng công chứng P ngày... Nay tôi xác nhận đến thời điểm tôi còn nợ chị D số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng)... Đến thời hạn 4/5/2020 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho chị D..." . Người vay và ký tên là Võ Thị Vân H. Và chị D xóa giấy vay tiền tại Văn phòng công chứng P".

Bà H và bà H2 đều khẳng định số tiền 1.900.000.000 đồng mà bà D yêu cầu bà H và bà H2 trả không phải là tiền bà H và bà H2 vay mà là tiền lãi từ khoản vay 12,5 tỷ đồng mà bà H, ông T1 và bà H2, ông H3 đã vay của bà D theo Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng P nhưng bà H và bà H2 đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng không đưa ra được số tiền còn nợ để tính lãi và cách tính lãi khớp với số tiền 1.900.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận chữ ký trong giấy xác nhận ngày 26/3/2020 là do bà ký, nhưng không đọc nội dung, sợ do thấy dao trong xe bà D nên ký nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh, bà H đã trưởng thành, có đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự và bà H cũng khai là bà có cầm bản chính Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 về đưa bà H2 xem nhưng bà H2 không có ý kiến. Nhận thấy, nội dung Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 ghi là "Tôi còn nợ" chứ không phải "nợ lãi". Do đó không có căn cứ xác định đây là số tiền lãi của khoản vay 12,5 tỷ đồng và khoản vay 12,5 tỷ đồng bà H và bà H2 xác định đã trả xong cho bà D vào ngày 23/3/2020 theo các chứng từ mà bà H2 cung cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu đưa người làm chứng trong Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 là ông M vào tham gia tố tụng, nhưng chữ ký của người làm chứng trong giấy xác nhận không ghi rõ họ tên, với lại nội dung trong giấy là "Tôi còn nợ" nên thấy không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng.

Mặt khác, bà H2 đã gửi đơn tố cáo bà D về hành vị cho vay nặng lãi đến Công an Quận C nhưng Công an Quận C - Cơ quan cảnh sát điều tra đã có quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 313 ngày 30/11/2020 không có căn cứ để xác định là bà D có hành vi cho vay nặng lãi theo lời trình bày của bà H2. Bởi các lẽ trên, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Vân H và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/112022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2]Xét đơn kháng cáo của bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Vân H và bà Mã Thị H2 cùng trả số tiền 1.900.000.000 đồng đã vay theo "Giấy xác nhận ngày 26/3/2020", HĐXX nhận thấy:

[3]Căn cứ Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 có nội dung: "*Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2020. Tôi tên: Võ Thị Vân H (đại diện Mã Thị H2). Xác nhận với chị Nguyễn Thị Kim D nội dung sự việc như sau: Theo giấy vay tiền tại Văn phòng công chứng P ngày .....Nay tôi xác nhận đến thời điểm tôi còn nợ chị D số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Đến thời hạn 04/5/2020 sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho chị D...*". Bà Võ Thị Vân H ký tên người vay, bà D ký tên người cho vay.

[3.1] Bà H và bà H2 đều khẳng định số tiền 1.900.000.000 đồng không phải là tiền vay mà là tiền lãi từ khoản vay 12,5 tỷ đồng theo Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng P nhưng bà H và bà H2 đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng không đưa ra được số tiền còn nợ để tính lãi và cách tính lãi khớp với số tiền 1.900.000.000 đồng. Đồng thời, trong nội dung Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 ghi là "nợ" chứ không phải "nợ lãi", và khoản vay 12,5 tỷ đồng bà H và bà H2 xác định đã trả xong cho bà D vào ngày 23/3/2020. Bà H2 đã gửi đơn tố cáo bà D về hành vi cho vay nặng lãi ra Công an Quận C nhưng Công an Quận C - Cơ quan cảnh sát điều tra đã có quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 313 ngày 30/11/2020. Do đó, không có căn cứ để xác định là bà D có hành vi cho vay nặng lãi theo lời trình bày của bà H2.

[3.2] Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 có chữ ký của người làm chứng tên là Mười nhưng không ghi rõ họ, bà D có đơn xác định không yêu cầu triệu tập người làm chứng là bà H4 và ông M vì bà D không liên lạc được và cũng không biết hiện nay bà H4 và ông M đang ở đâu. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và bà H2 cũng xác định là không yêu cầu triệu tập bà H4 và ông M tham gia tố tung với tư cách người làm chứng.

[3.3] Bà H2 cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm Vi bằng số 873/2022/VB-VPTPL ngày 21/10/2022 của Văn phòng Thừa phát lại G.Đ ghi lại nội dung đoạn ghi âm ngày 26/3/2020, để chứng minh bà H và bà H2 xác định không nhận tiền từ nhà bà D. Xét nội dung Vi bằng do bà H2 cung cấp, thì bà H2 xác định đây là cuộc nói chuyện giữa bà D và bà H4.Tuy nội dung là tính lãi nhưng không rõ là tính lãi từ khoản vay nào, nên cũng không có chứng cứ thể hiện số tiền 1.900.000.000 đồng là tiền lãi theo như trình bày của bà H và bà H2.

Từ đó cho thấy cấp sơ thẩm xác định đây không phải là số tiền lãi của khoản vay 12,5 tỷ đồng là có căn cứ.

[3.4] Xét bà H thừa nhận có ký tên vào giấy xác nhận ngày 26/3/2020, bà H khai là ký nhưng không đọc nội dung, sợ do thấy dao trong xe bà D nên ký nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó còn có nhiều người ở đó chứ không chỉ một mình bà D với bà H. Đồng thời, bà H cũng khai là bà có cầm bản chính "Giấy xác nhận ngày 26/3/2020" về đưa bà H2 xem nhưng bà H và bà H2 không có ý kiến hay phản hồi gì.

Bà D yêu cầu bà H và bà H2 cùng trả số tiền 1.900.000.000 đồng nhưng Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 không có chữ ký của bà H2, bà H2 cũng không thừa nhận số tiền này là tiền đã vay và không đồng ý trả nên không có căn cứ buộc bà H2 cùng trả số tiền 1.900.000.000 đồng theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020.Từ đó cấp sơ thẩm buộc bà H trả số tiền 1.900.000.000 đồng còn nợ theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020 cho bà D là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn bà Võ Thị Vân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:69.000.000 đồng và hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên đây, HĐXX phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm đã nhận định đánh giá toàn diện khách quan đối với các chứng cứ có tại hồ sơ và ra phán quyết phù hợp đúng căn cứ pháp luật. Bị đơn bà Võ Thị Vân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, phù hợp nên các kháng cáo không được chấp nhận. Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09-11-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Vân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2 không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Vân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị H2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4098/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị Vân H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) theo Giấy xác nhận ngày 26/3/2020, ghi nhận việc bà D không yêu cầu trả tiền lãi.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Vân H phải chịu án phí DSST số tiền là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 34.500.000 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0046633 ngày 09/9/2020của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Võ Thị Vân H phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007174 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Đ.

- Bà Mã Thị H2 phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ lại cho bà H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007175 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Tp Đ, TPHCM;
- Chi cục THADS Tp Đ, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Hương